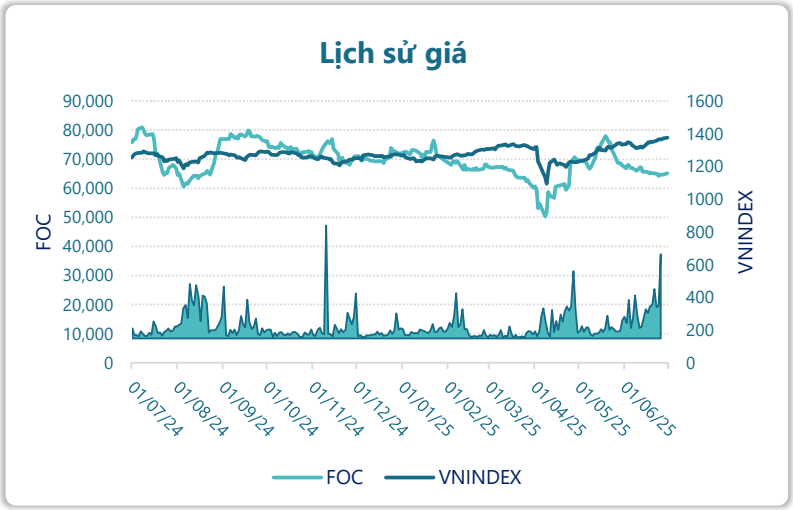
FireAnt

CTCP Dịch vụ Trực tuyến FPT (UPCOM: FOC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**65,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	80,970
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	50,307
SL cổ phiếu LH	18,419,884
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,185
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,201
P/E	8.2
EPS	7,948

DT thuần

Q2/25

210

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0| 79.3%

YoY: ▲ 59.0| 38.9%

LN sau thuế

Q2/25

44.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.8| 137%

YoY: ▲ 11.1| 33.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

26.6%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

6T 2025

327

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0| 17.6%

LN sau thuế

6T 2025

63.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.6| 27.3%

ROE

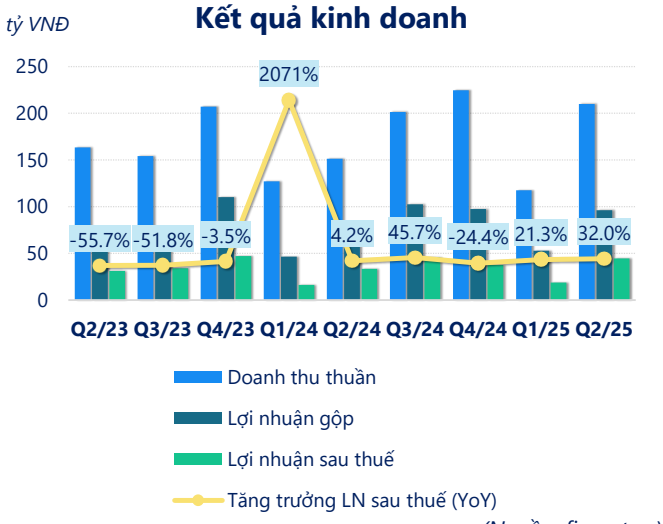
Q2/25

19.9%

+/- YoY: ▲ 1.5%

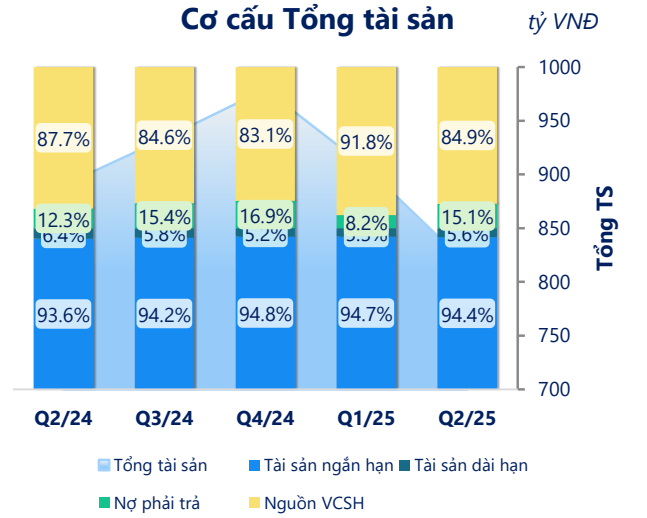
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



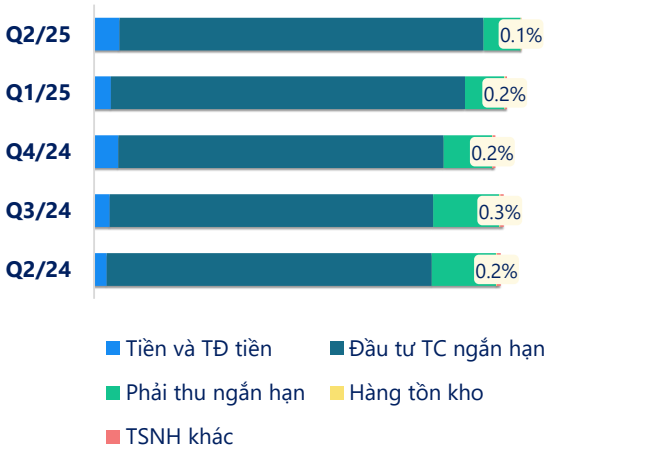
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



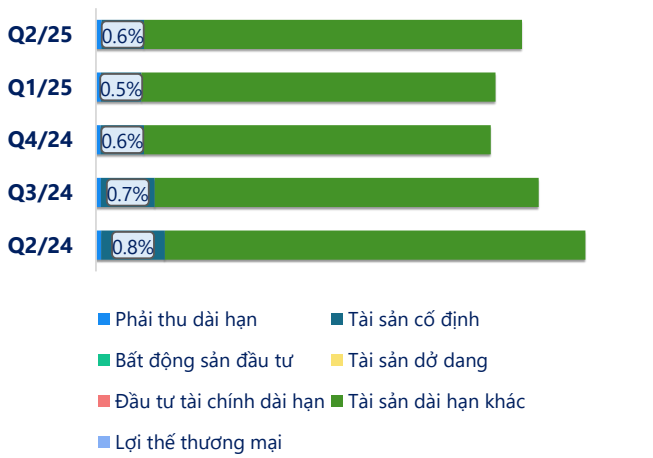
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



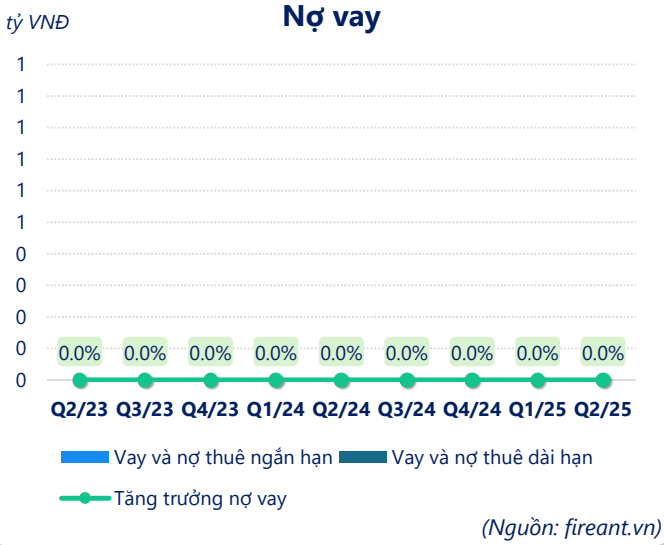
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



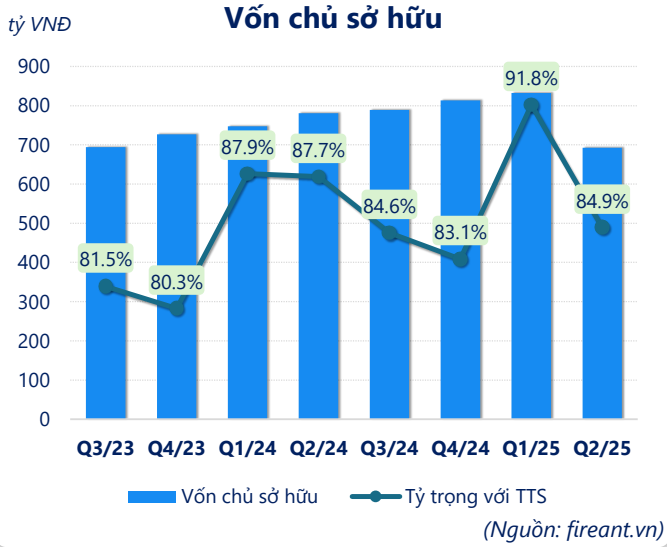
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



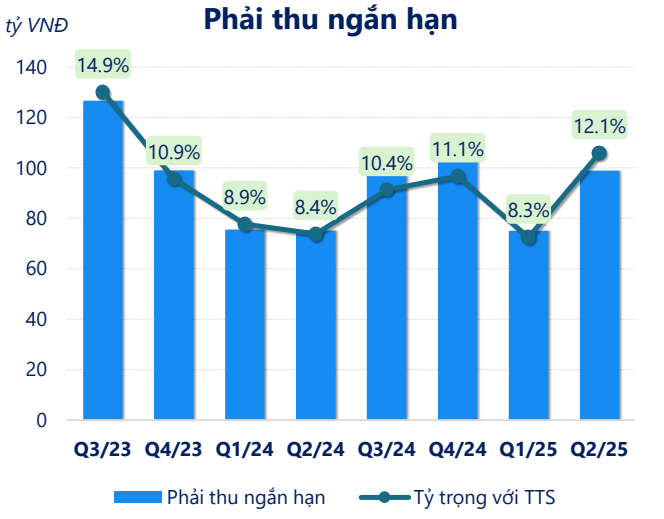
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



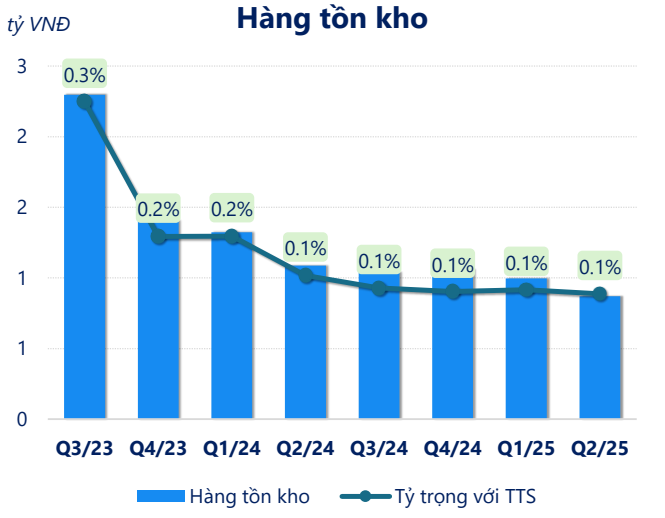
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



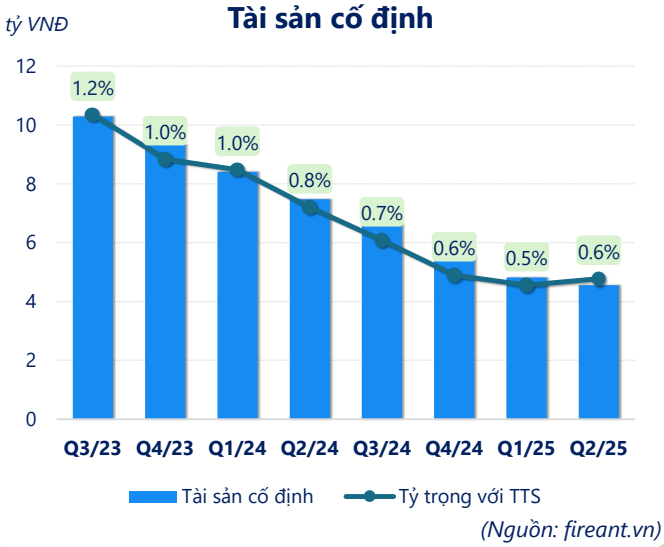
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



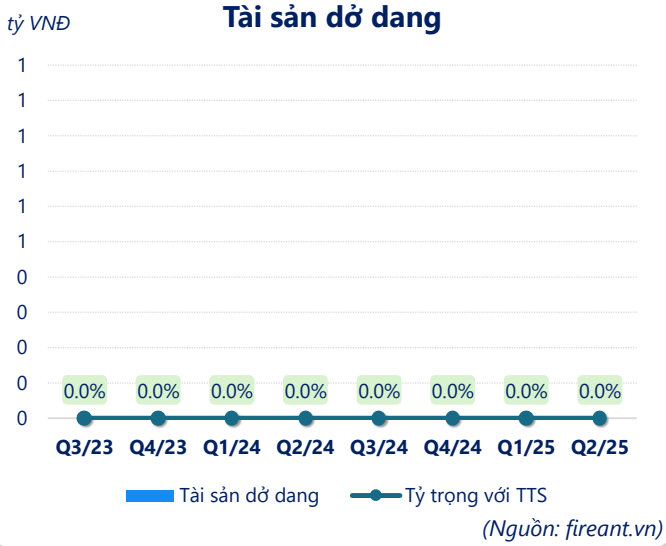
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



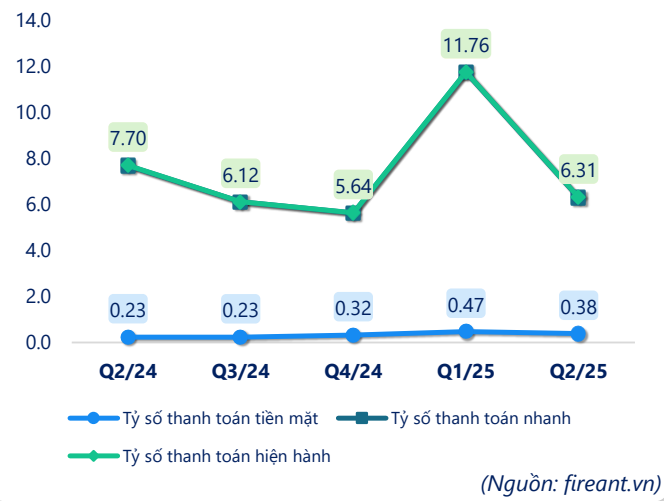
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



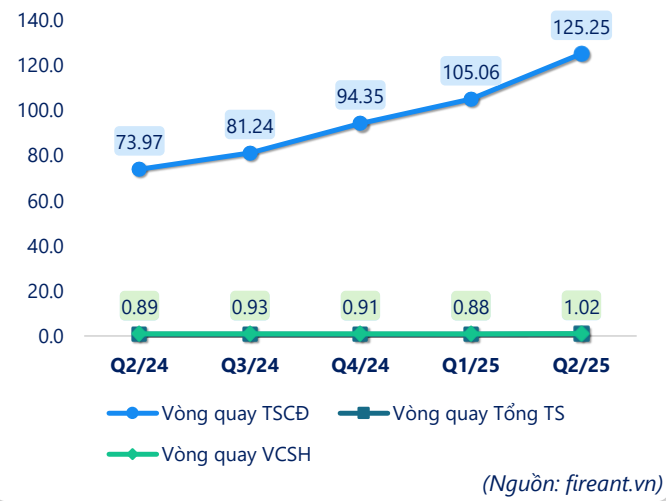
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**890**	**933**	**979**	**907**	**816**
Tài sản ngắn hạn	**832**	**879**	**928**	**859**	**771**
Tiền và tương đương tiền	25.4	33.2	53.3	34.6	46.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	731	747	763	744	622
Phải thu ngắn hạn	75.1	97.4	108	75.1	98.8
Hàng tồn kho	1.09	1.04	1.06	1.00	0.87
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	0.12	2.75	3.70	1.87
Tài sản dài hạn	**57.3**	**54.4**	**50.9**	**47.7**	**45.8**
Phải thu dài hạn	0.60	0.60	0.60	0.60	0.60
Tài sản cố định	7.48	6.63	5.59	4.82	4.55
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	49.2	47.2	44.7	42.3	40.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**109**	**144**	**166**	**74.1**	**124**
Nợ ngắn hạn	**108**	**144**	**165**	**73.0**	**122**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	7.54	21.0	19.1	10.3	20.8
Nợ dài hạn	0.90	0.41	0.94	1.06	1.39
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**781**	**789**	**814**	**832**	**693**
Vốn chủ sở hữu	**781**	**789**	**814**	**832**	**693**
Vốn điều lệ	185	185	185	185	185
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)